

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015
đến ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch
Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Quang	Thành viên
Ông Lê Duy Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Hồng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2015)
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2015)
Ông Hoàng Tất Thắng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Doãn Long	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kiều Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Doãn Long
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2016

Số: 404/VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 04 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty sau khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Do đó, số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, và được điều chỉnh tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần như trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 26. Không có số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Số liệu trình bày trên cột so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 chỉ cho mục đích thông tin tham khảo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Thị Thúy Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0031-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 04 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Tùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1941-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/4/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.755.225.408	50.238.970.454
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	45.082.321.523	6.732.756.314
1. Tiền	111		2.162.302.215	4.558.259.728
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.920.019.308	2.174.496.586
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	17.849.975.810	16.492.785.079
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.849.975.810	16.492.785.079
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.502.745.755	24.394.442.636
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	18.214.702.506	21.137.827.436
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		624.848.600	1.613.546.100
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	424.603.075	1.643.069.100
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(761.408.426)	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	3.014.473.974	1.935.605.517
1. Hàng tồn kho	141		3.014.473.974	1.935.605.517
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.305.708.346	683.380.908
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		394.763.412	683.380.908
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	910.944.934	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		179.201.423.494	190.575.292.695
I. Tài sản cố định	220		165.226.051.479	180.073.758.735
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	165.226.051.479	180.073.758.735
- Nguyên giá	222		403.069.925.503	394.900.872.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(237.843.874.024)	(214.827.114.042)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.385.659.186	5.586.246.457
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	9.385.659.186	5.586.246.457
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	2.500.000.000	2.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	252		2.500.000.000	2.500.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.089.712.829	2.415.287.503
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.089.712.829	2.415.287.503
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		264.956.648.902	240.814.263.149

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/4/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		37.060.776.174	25.642.263.149
I. Nợ ngắn hạn	310		37.060.776.174	25.642.263.149
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	9.506.744.623	1.806.719.353
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		495.336.058	518.847.295
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.933.113.256	2.442.103.753
4. Phải trả người lao động	314		15.607.938.746	8.175.273.058
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.000.000.000	3.000.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.258.323.227	5.451.137.426
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.259.320.264	4.248.182.264
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		227.895.872.728	215.172.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	227.895.872.728	215.172.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.172.000.000	215.172.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.723.872.728	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.723.872.728	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		264.956.648.902	240.814.263.149

Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 04 tháng 3 năm 2016



Lê Doãn Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	19	135.038.464.018	40.163.303.090
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		135.038.464.018	40.163.303.090
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	20	105.342.273.019	30.378.382.002
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.696.190.999	9.784.921.088
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.434.152.606	294.390.497
7. Chi phí tài chính	22		-	5.118.788
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	5.118.788
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		15.476.520.714	4.598.719.830
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22-26))	30		15.653.822.891	5.475.472.967
10. Thu nhập khác	31	22	884.410.647	461.945.425
11. Chi phí khác	32	23	175.949.432	108.674.874
12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		708.461.215	353.270.551
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.362.284.106	5.828.743.518
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.638.411.378	1.282.323.574
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		12.723.872.728	4.546.419.944

Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 04 tháng 3 năm 2016



Lê Doãn Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.362.284.106	5.828.743.518
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	23.016.759.982	5.922.739.271
Các khoản dự phòng	03	761.408.426	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.434.152.606)	(202.545.048)
Chi phí lãi vay	06	-	5.118.788
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.706.299.908	11.554.056.529
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	3.773.097.724	(8.879.310.433)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.078.868.457)	807.145.838
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.657.757.539	(21.414.999.381)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	614.192.170	(311.907.373)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(5.118.788)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.427.860.031)	(1.854.829.484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49.244.618.853	(20.104.963.092)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.329.206.250)	(2.767.082.502)
2. Chi tiền gửi có kỳ hạn	23	-	(92.034.720)
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.434.152.606	201.239.803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.895.053.644)	(2.657.877.419)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(4.630.203.780)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(4.630.203.780)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	38.349.565.209	(27.393.044.291)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.732.756.314	34.125.800.605
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	45.082.321.523	6.732.756.314

Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 04 tháng 3 năm 2016

Lê Đoàn Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là “Công ty”) chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19/3/2014 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội đã thông báo kết quả bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh. Vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 215.172.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, với vốn điều lệ là 215.172.000.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 517 (31 tháng 3 năm 2015: 519).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, đường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cảng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, điện năng (đường dây và trạm biến áp dưới 35KV);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các mặt hàng cơ khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, sắt thép, phế liệu, hàng lâm sản, thổ sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí hóa lỏng (gas);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; Dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; Dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hoá;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy đến 400 tấn; Phá dỡ tàu thủy, phương tiện thiết bị cũ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho quan ngoại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 02, kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty sau khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Do đó, số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, và được điều chỉnh tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần như trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 26. Không có số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Số liệu trình bày trên cột so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 chỉ cho mục đích thông tin tham khảo.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, kỳ kế toán đầu tiên của Công ty ngay sau khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải	06 - 10
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNHSố 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015
đến ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/4/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	14.211.461	69.592.351
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.148.090.754	4.488.667.377
Các khoản tương đương tiền (i)	42.920.019.308	2.174.496.586
	<u>45.082.321.523</u>	<u>6.732.756.314</u>

(i) Tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô với kỳ hạn gốc từ 4-6 tháng, lãi suất từ 4,7%/năm đến 5,0%/năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/4/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Nhật Việt	4.054.203.516	1.213.913.717
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Đại	1.929.891.355	2.580.341.758
Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An	1.617.067.353	2.156.074.195
Công ty Cổ phần Vận Tải 1 TRACO	1.564.111.234	3.593.836.665
Các khách hàng khác	9.049.429.048	11.593.661.101
	<u>18.214.702.506</u>	<u>21.137.827.436</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/4/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn		
Tạm ứng	155.706.178	185.701.711
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	198.233.756	420.787.434
Phải thu khác	70.663.141	1.036.579.955
	<u>424.603.075</u>	<u>1.643.069.100</u>

9. NỢ XẤU

Đối tượng	31/12/2015			01/4/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi						
Công ty Cổ phần Thương mại Phát Lộc Sơn	107.096.645	53.548.323	Từ 1 - 2 năm	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Thương mại Ánh Dương	132.306.698	-	Trên 3 năm	-	-	-
Công ty TNHH Bắc Sơn	429.444.738	214.722.369	Từ 1 - 2 năm	-	-	-
Các đối tượng khác	398.080.530	37.249.493	Trên 1 năm	-	-	-
	<u>1.066.928.611</u>	<u>305.520.185</u>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/4/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.716.755.063	-	1.715.698.958	-
Công cụ, dụng cụ	297.718.911	-	219.906.559	-
Cộng	3.014.473.974	-	1.935.605.517	-

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
Dự án Xây dựng bến số 5 và số 6 Cảng Cửa Lò (i)	1.803.355.550	1.049.719.186
Bãi chứa hàng 3D - Cảng Cửa Lò	-	4.536.527.271
Chi phí nạo vét nâng cấp vững đầu tàu	7.582.303.636	-
	9.385.659.186	5.586.246.457

- (i) Dự án Xây dựng bến số 5 và số 6 đã được chuyển giao cho chủ đầu tư mới là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (cổ đông lớn của Công ty) theo văn bản số 7591/UBND-GT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Đến ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình bàn giao các chi phí đã phát sinh cho chủ đầu tư mới, bao gồm chủ yếu các chi phí đền bù, thiết kế cho dự án.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư góp vốn thành lập Trường Cao Đẳng nghề Hàng hải Vinalines với số tiền 2.500.000.000 VND. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 30NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 12 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông Trường Cao Đẳng nghề Hàng hải Vinalines đã thông qua việc giải thể Trường Cao Đẳng nghề Hàng hải Vinalines theo chủ trương đã được phê duyệt tại Văn bản số 2342/TTg-ĐMDN ngày 21/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh Đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015. Đến ngày lập báo cáo này, Trường Cao Đẳng nghề Hàng hải Vinalines đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục liên quan và dự kiến hoàn thành trong tháng 3 năm 2016 theo phương án giải thể ngày 14 tháng 12 năm 2015.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phát sinh trong kỳ			31/12/2015
	01/4/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Các loại thuế khác	-	39.300.000	950.244.934	910.944.934
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		<i>39.300.000</i>	<i>950.244.934</i>	<i>910.944.934</i>
Cộng	-	39.300.000	950.244.934	910.944.934
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	659.069.920	7.961.094.502	8.207.429.151	412.735.271
<i>- Thuế GTGT đầu ra</i>	<i>659.069.920</i>	<i>7.961.094.502</i>	<i>8.207.429.151</i>	<i>412.735.271</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.275.159.049	3.656.204.183	3.427.860.031	1.503.503.201
Tiền thuê đất	496.000.000	1.916.673.000	2.412.673.000	-
Các loại thuế khác	11.874.784	78.698.147	78.698.147	11.874.784
<i>Thuế khác</i>	<i>11.874.784</i>	<i>78.698.147</i>	<i>78.698.147</i>	<i>11.874.784</i>
Các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	-	5.000.000
<i>Các khoản phí, lệ phí</i>	<i>-</i>	<i>5.000.000</i>	<i>-</i>	<i>5.000.000</i>
Cộng	2.442.103.753	13.617.669.832	14.126.660.329	1.933.113.256

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

Số 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015
đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/4/2015	285.169.689.541	11.679.735.314	94.302.839.710	167.827.272	3.580.780.940	394.900.872.777
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.877.952.726	-	-	-	-	7.877.952.726
Mua sắm mới	-	239.800.000	-	-	51.300.000	291.100.000
Tại ngày 31/12/2015	293.047.642.267	11.919.535.314	94.302.839.710	167.827.272	3.632.080.940	403.069.925.503
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/4/2015	159.486.224.988	6.466.696.395	47.184.387.692	90.888.331	1.598.916.636	214.827.114.042
Trích khấu hao trong năm	13.999.791.111	935.292.459	7.451.132.439	29.357.736	601.186.237	23.016.759.982
Tại ngày 31/12/2015	173.486.016.099	7.401.988.854	54.635.520.131	120.246.067	2.200.102.873	237.843.874.024
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	119.561.626.168	4.517.546.460	39.667.319.579	47.581.205	1.431.978.067	165.226.051.479
Tại ngày 01/4/2015	125.683.464.553	5.213.038.919	47.118.452.018	76.938.941	1.981.864.304	180.073.758.735

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị: 1.038.352.595 VND (ngày 31 tháng 3 năm 2015: 0 VND).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nạo vét và Xây dựng Thái Bình	4.484.330.000	-
Công ty Cổ phần Kho vận Nhật Việt Nghệ An	3.323.259.500	-
Công ty CP Xây dựng công trình An Gia Phát	1.156.425.455	970.771.353
Công ty Cổ phần NCN Quốc Tế	-	735.500.000
Các đối tượng khác	542.729.668	100.448.000
	9.506.744.623	1.806.719.353

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNHSố 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015
đến ngày 31 tháng 12 năm 2015**MẪU SỐ B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2014	154.416.086.739	1.310.300.614	2.792.681.399	469.686.410	55.639.590.992	7.657.627.057	222.285.973.211
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	4.546.419.944	4.546.419.944
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.657.627.057)	(7.657.627.057)
Số dư tại ngày 31/3/2015	154.416.086.739	1.310.300.614	2.792.681.399	469.686.410	55.639.590.992	4.546.419.944	219.174.766.098
Điều chỉnh tăng vốn (i)	60.755.913.261	(1.310.300.614)	(3.262.367.809)	-	(55.639.590.992)	(543.653.846)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(2.077.523.838)	(2.077.523.838)
Điều chỉnh khoản phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (i)	-	-	-	-	-	(1.924.650.944)	(1.924.650.944)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(591.316)	(591.316)
Trình bày lại theo Thông tư 200	-	-	469.686.410	(469.686.410)	-	-	-
Số dư tại ngày 01/4/2015	215.172.000.000	-	-	-	-	-	215.172.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	12.723.872.728	12.723.872.728
Số dư tại ngày 31/12/2015	215.172.000.000	-	-	-	-	12.723.872.728	227.895.872.728

- (i) Tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 01 tháng 4 năm 2015), Công ty đã chuyển toàn bộ số dư Có Quỹ đầu tư phát triển, Vốn khác của chủ sở hữu, Lợi nhuận chưa phân phối, và Chênh lệch đánh giá lại tài sản sang Vốn góp của chủ sở hữu. Phần chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty chuyển thành Công ty cổ phần và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp sau khi trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi đã được điều chỉnh tăng phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty.

Các điều chỉnh này phù hợp với biên bản ngày 20 tháng 11 năm 2015 về việc kiểm tra quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ người lao động dôi dư và xác định giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty TNHH Cảng Nghệ Tĩnh chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn đầu tư và điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, vốn điều lệ của Công ty là 215.172.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông thực góp như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần		Vốn đã góp 31/12/2015	Vốn đã góp 01/4/2015
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	109.737.720.000	51,00%	109.737.720.000	109.737.720.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	38.941.560.000	18,10%	38.941.560.000	38.941.560.000
Ông Bùi Ngọc Yên	23.131.010.000	10,75%	23.131.010.000	23.131.010.000
Các cổ đông khác	43.361.710.000	20,15%	43.361.710.000	43.361.710.000
	215.172.000.000	100%	215.172.000.000	215.172.000.000

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào cảng cá	3.000.000.000	3.000.000.000
	3.000.000.000	3.000.000.000

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	119.970.459	127.053.786
Quỹ lương Hội đồng Thành viên	-	850.503.000
Phải trả về cổ phần hoá	1.851.459.273	1.925.242.260
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.286.893.495	2.548.338.380
	3.258.323.227	5.451.137.426

19. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	125.770.157.875	36.675.285.841
Doanh thu dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thù	9.268.306.143	3.488.017.249
	135.038.464.018	40.163.303.090

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	95.702.127.270	27.618.626.269
Giá vốn dịch vụ tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thù	9.640.145.749	2.759.755.733
	105.342.273.019	30.378.382.002

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNHSố 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015
đến ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.323.150.235	4.772.904.987
Chi phí nhân công	50.936.882.398	17.340.251.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.016.759.982	5.922.739.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.602.918.960	4.988.974.788
Chi phí khác bằng tiền	7.939.082.158	1.952.231.751
	120.818.793.733	34.977.101.832

22. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
- <i>Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định</i>	-	-
Các khoản khác	884.410.647	461.945.425
	884.410.647	461.945.425

23. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015
	VND	VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	91.800.000
- <i>Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định</i>	-	91.800.000
Các khoản khác	175.949.432	16.874.874
	175.949.432	108.674.874

- (i) Thẻ hiện chi phí hỗ trợ kinh phí nạo vét luồng vào cảng cá, được chấp thuận theo Nghị Quyết số 3714/NQ-HHVN ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc hạch toán khoản hỗ trợ kinh phí nạo vét luồng vào cảng cá của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của cổ đông (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	45.082.321.523	6.732.756.314
Nợ thuần	(45.082.321.523)	(6.732.756.314)
Vốn chủ sở hữu	227.895.872.728	215.172.000.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.082.321.523	6.732.756.314
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.849.975.810	16.492.785.079
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.483.599.403	22.595.194.825
Tổng cộng	81.415.896.736	45.820.736.218
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	12.507.140.684	6.102.788.219
Chi phí phải trả	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng cộng	15.507.140.684	9.102.788.219

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.082.321.523	-	45.082.321.523
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.849.975.810	-	17.849.975.810
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.483.599.403	-	18.483.599.403
Tổng cộng	81.415.896.736	-	81.415.896.736

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	12.507.140.684	-	12.507.140.684
Chi phí phải trả	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Tổng cộng	15.507.140.684	-	15.507.140.684

Chênh lệch thanh khoản thuần	65.908.756.052	-	65.908.756.052
-------------------------------------	-----------------------	----------	-----------------------

01/4/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.732.756.314	-	6.732.756.314
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.492.785.079	-	16.492.785.079
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.595.194.825	-	22.595.194.825
Tổng cộng	45.820.736.218	-	45.820.736.218

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	6.102.788.219	-	6.102.788.219
Chi phí phải trả	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Tổng cộng	9.102.788.219	-	9.102.788.219

Chênh lệch thanh khoản thuần	36.717.947.999	-	36.717.947.999
-------------------------------------	-----------------------	----------	-----------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH
Số 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015
đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	904.500.000	262.085.000

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại, điều chỉnh để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Số liệu tại ngày 31/3/2015	Phân loại lại và điều chỉnh	Số liệu tại ngày 01/4/2015	Nguyên nhân
	VND	VND	VND	
Bảng Cân đối kế toán				
1. Phải thu ngắn hạn khác	1.457.367.389	185.701.711	1.643.069.100	(i)
2. Tài sản ngắn hạn khác	185.701.711	(185.701.711)	-	(i)
3. Phải trả ngắn hạn khác	3.525.895.166	1.925.242.260	5.451.137.426	(ii)
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.170.658.426	2.077.523.838	4.248.182.264	(ii)
5. Vốn góp của chủ sở hữu	154.416.086.739	60.755.913.261	215.172.000.000	(ii)
6. Vốn khác của chủ sở hữu	1.310.300.614	(1.310.300.614)	-	(ii)
7. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	55.639.590.992	(55.639.590.992)	-	(ii)
8. Quỹ đầu tư phát triển	2.792.681.399	(2.792.681.399)	-	(i)&(ii)
9. Quỹ dự phòng tài chính	469.686.410	(469.686.410)	-	(i)&(ii)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.546.419.944	(4.546.419.944)	-	(ii)

- (i) Phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- (ii) Các điều chỉnh tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.


Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 04 tháng 3 năm 2016



Lê Đoàn Long
Tổng Giám đốc